

Số: 294 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 23 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý Tài nguyên và
Môi trường của Trường Đại học Quy Nhơn

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-KĐCLV ngày 03/11/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh phiên thứ 23 ngày 22 - 23/11/2025;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường của Trường Đại học Quy Nhơn, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XXIII ngày 22/11/2025 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 05 đến ngày 10 tháng 9 năm 2025 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường của Trường Đại học Quy Nhơn của Đoàn đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ

2

mức 4,0 điểm trở lên là 45 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

3. Kiến nghị Trường Đại học Quy Nhơn tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường của Trường Đại học Quy Nhơn theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường của Trường Đại học Quy Nhơn được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.



Phạm Lê Cường



Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 294/NQ-HĐKĐCLV ngày 23/11/2025 của Hội đồng Kiểm định
chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1	3.67	3.67	3	100	Tiêu chuẩn 7	4.00	4.00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2	4.00	4.00	3	100	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8	4.20	4.20	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3	3.67	3.67	2	67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4	4.00	4.00	3	100	Tiêu chuẩn 9	4.40	4.40	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chuẩn 5	3.80	3.80	4	80	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	5			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10	3.83	3.83	5	83
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chuẩn 6	4.14	Tiêu chí 10.4	4						
Tiêu chí 6.1	4	Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4	Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.3	4	Tiêu chuẩn 11	4.00	4.00	4	80			
Tiêu chí 6.4	4	Tiêu chí 11.1	3						
Tiêu chí 6.5	4	Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.6	4	Tiêu chí 11.3	4						
Tiêu chí 6.7	5	Tiêu chí 11.4	5						
		Tiêu chí 11.5	4						
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
4.00					45		90		

22



Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 294/NQ-HĐKĐCLV ngày 23/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Quy Nhơn, giai đoạn 2020-2025, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn trong chiến lược phát triển trường đến năm 2030; phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT rõ ràng, được rà soát, cập nhật để đáp ứng cơ bản các mục tiêu đề ra và phù hợp với Khung trình độ Quốc gia. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần có cấu trúc hợp lý với đầy đủ thông tin về CTĐT; được rà soát, cập nhật nhiều vấn đề mới có liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận chuẩn đầu ra - học phần và điều chỉnh số tín chỉ của học phần. Chương trình dạy học được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Kế hoạch đào tạo toàn khoá được thiết kế cơ bản phù hợp, logic đảm bảo sinh viên được trang bị từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành. Hoạt động dạy - học được thiết kế giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, khả năng học tập suốt đời. Các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá và trọng số các thành phần đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương học phần. Công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên được duy trì thường xuyên và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Môi trường tâm lý xã hội, môi trường cảnh quan tạo sự thoải mái về tâm lý và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học. Đã có kế hoạch, định hướng cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển của ngành và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm khuyến nghị đề xuất sau đây:

(1). Nhà trường và Khoa cần làm rõ định hướng đào tạo của ngành sao cho phù hợp với Tầm nhìn của Trường. Khoa cần tiến hành rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT theo hướng vừa bảo đảm kiến thức chung, vừa thể hiện rõ đặc thù của ngành; đồng thời bổ sung, cụ thể hóa các chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Cần đa dạng hóa hình thức truyền thông về chuẩn đầu ra của CTĐT để nâng cao mức độ tiếp cận và thu hút sự quan tâm của các bên liên quan bên ngoài.



(2). Nhà trường và Khoa cần rà soát, cập nhật và cụ thể hóa các vị trí việc làm trong bản mô tả CTĐT; không chỉ dừng ở việc liệt kê các cơ quan quản lý nhà nước mà cần mô tả rõ các chức danh, vị trí công tác cụ thể tại từng cơ quan, đơn vị để phản ánh sát hơn nhu cầu thực tiễn và định hướng nghề nghiệp cho người học. Khoa cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần theo hướng làm rõ hơn sự gắn kết giữa phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá đối với từng nội dung cụ thể. Các chuẩn đầu ra học phần cần được mô tả rõ ràng, định lượng hơn, tránh trùng lặp giữa các học phần và thống nhất cách thể hiện mức độ đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

(3). Nhà trường và Khoa cần bổ sung hướng dẫn và biện pháp giám sát, đánh giá hoạt động tự học trong đề cương chi tiết nhằm nâng cao tính chủ động và hiệu quả học tập của người học. Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện đề cương chi tiết học phần theo hướng: mô tả rõ ràng phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với từng nội dung; xác định cụ thể mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra; xây dựng công cụ và tiêu chí đánh giá chi tiết, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra; đồng thời cập nhật kịp thời nội dung học phần để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế nghề nghiệp.

(4). Nhà trường và Khoa cần điều chỉnh lại về nội dung câu hỏi trong phiếu khảo sát cho phù hợp với đối tượng người học, chuyển từ nội dung đánh giá kiến thức chuyên môn của giảng viên sang đánh giá phương pháp giảng dạy, khả năng truyền đạt và hỗ trợ người học. Cần rà soát, bổ sung trong đề cương chi tiết học phần các hướng dẫn cụ thể về phương pháp, kĩ năng tự học phù hợp với từng học phần. Đồng thời, cần xây dựng các hình thức giám sát và đánh giá hoạt động tự học của người học.

(5). Nhà trường và Khoa cần đa dạng hóa phương pháp kiểm tra đánh giá kết thúc học phần (trắc nghiệm, tiểu luận, tình huống, thuyết trình, dự án,...) để phản ánh đầy đủ năng lực và mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học. Rà soát, bổ sung quy trình/hướng dẫn về công cụ, tiêu chí đo lường; thống nhất quy định ra đề, xây dựng ngân hàng câu hỏi/đề thi cho các học phần chuyên môn. Thiết kế đề thi mở, sử dụng tài liệu theo hướng đánh giá năng lực vận dụng. Tăng cường hình thức thi thực hành, báo cáo, seminar phù hợp từng nhóm học phần; rút ngắn thời gian nhập điểm để sinh viên kịp điều chỉnh kế hoạch học tập.

(6). Nhà trường cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản chiến lược, kế hoạch và cơ chế quản trị nhân sự một cách đồng bộ, bảo đảm tính bài bản và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn. Đồng thời, cần thiết lập quy trình đánh giá định kì, khách quan đối với hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, từ đó có cơ sở điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của ngành đào tạo.

(7). Nhà trường cần nâng cao chính sách thu hút, đãi ngộ để tuyển dụng, giữ chân cán bộ, viên chức có năng lực. Rà soát Khung năng lực tại vị trí việc làm, bổ sung các tiêu chí định lượng để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Tăng cường



khảo sát nhu cầu về đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm; chú trọng công tác tổng kết, đánh giá tính hiệu quả sau các kì đào tạo, bồi dưỡng. Định kì khảo sát mức độ hài lòng về công tác thi đua khen thưởng, kịp thời điều chỉnh cơ chế chính sách. Áp dụng các phần mềm chuyên dụng để quản trị kết quả theo công việc của đội ngũ nhân viên tại các vị trí việc làm.

(8). Nhà trường và Khoa cần ổn định quy mô tuyển sinh bằng cách điều chỉnh chỉ tiêu hợp lí, kết hợp học bổng và cam kết cơ hội việc làm để thu hút thí sinh. Tăng cường khảo sát và dự báo nhu cầu nhân lực thông qua hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan quản lí và cựu sinh viên, đồng thời ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu để dự báo xu hướng tuyển sinh. Đổi mới công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh bằng cách phát triển fanpage, kênh trực tuyến, livestream và video trải nghiệm nghề nghiệp nhằm nâng cao tính hấp dẫn. Đa dạng hóa hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp, kĩ năng mềm và hỗ trợ tâm lý học đường, đồng thời mở rộng mạng lưới doanh nghiệp đối tác để triển khai mô hình “thực tập - tuyển dụng”.

(9). Nhà trường cần xây dựng kế hoạch bố trí phòng làm việc cho lãnh đạo Khoa, phòng làm việc cho giảng viên đảm bảo theo quy định. Cần mở rộng số lượng và đối tượng khảo sát về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học để thu được số liệu có độ tin cậy. Cần nâng cao năng lực hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc chuyển đổi số trong quản lí đào tạo và xây dựng học liệu số. Tăng cường xây dựng nguồn tài liệu, giáo trình nội sinh phục vụ công tác đào tạo.

(10). Nhà trường cần ban hành văn bản quy định/hướng dẫn đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT và cách thức lựa chọn phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá tương thích chuẩn đầu ra học phần. Khoa cần xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, đánh giá sự tương thích, phù hợp của phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng đào tạo; tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá hiện đại, kết hợp dạy học tại lớp và e-Learning. Cần tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào các bài giảng của chương trình đào tạo.

(11). Nhà trường cần nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; có các giải pháp hiệu quả giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng và trước hạn; kết nối với cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động để nắm bắt tình trạng, vị trí việc làm và khả năng tự lập nghiệp để có những điều chỉnh cần thiết về CTĐT đáp ứng thị trường lao động. Tiếp tục tăng tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học trên 10%; mở rộng các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo, khởi nghiệp của sinh viên; nâng cấp Bộ Tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp sát hợp với chuẩn đầu ra CTĐT để có những đánh giá khoa học, khách quan về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và từ đó có những đáp ứng tích cực và hiệu quả hơn trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

ĐÃ ĐÁ
3 TÂN
ĐỊNH
LƯC
O DI
ĐẠI

21

Trên đây là những nhóm khuyến nghị tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh theo quy định.

9L

